

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 667/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ph T S C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 04 B T, tổ 01, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông T T T, sinh năm 1979. Địa chỉ: 04 B T, tổ 01, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-11-2021 lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà P T S C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T T T qua tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2004. Quá trình chung sống giữa bà và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà và ông Tụng bất đồng quan điểm sống, gây tổn thương sâu sắc về tình cảm, tinh thần và đời sống vật chất. Bà đã hai lần làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vì con vì cố gắng níu kéo gia đình nên bà đã rút đơn. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ

chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông T có một con chung là T P H, sinh ngày 27-02-2007. Ly hôn bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Bà tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-12-2021 bị đơn ông T T T trình bày:

Ông T T T thống nhất như lời trình bày của bà P T S C về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Trong quá trình chung sống với nhau, ông Tùng thừa nhận hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì làm ăn thất bại nợ nần, nguyên nhân chính cũng là do bản thân ông đã gây ra mọi chuyện trong cuộc sống giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên đối với yêu cầu ly hôn của bà C ông không đồng ý vì bản thân ông vẫn còn yêu thương vợ con, hơn nữa việc ly hôn sẽ ảnh hưởng nhiều đến con vì hiện tại con ông đang học lớp 9, năm nay sẽ thi chuyển cấp ba.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Bà P T S C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T T T theo quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện của bà C được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Ông T cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Bị đơn ông T T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Bà P T S C và ông T T T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02 tháng 6 năm 2004. Vì vậy, hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C thì thấy, yêu cầu ly hôn của bà C không được ông T đồng ý. Theo bà C khai thì trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, gây tổn thương sâu sắc về tình cảm, tinh thần và đời sống vật chất, hiện bà không còn tình cảm với ông T, do mâu thuẫn căng thẳng tuy bà và ông T vẫn sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa ông và bà C đều là do ông và đúng như bà C trình bày, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà C vì ông vẫn còn thương yêu vợ con, hơn nữa con của ông đang trong độ tuổi vào cấp ba ông sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn giữa bà C và ông T thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà C và ông T trình bày. Tòa án cũng tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, chứng tỏ ông T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Đến nay bà C khẳng định không còn tình cảm yêu thương ông T nữa nên bà vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Từ những nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà C và ông T đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân bà P T S C và ông T T T có một con chung là T P H, sinh ngày 27-02-2007. Hiện nay cháu T P H đang được bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, cháu T P H có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao con chung là cháu T P H cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí:* Bà C là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà P T S C về yêu cầu ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà P T S C được ly hôn ông T T .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là T P H, sinh ngày 27-02-2007 cho bà P T S C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Bà P T S C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001043 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Bà P T S C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
 - Chi cục THADS Tp P;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND phường H P, TP Pleiku,
- Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 47/2004
ngày 02-6-2004);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

